TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Ông Nguyễn Hạ Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 về "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

*/ ***Nguyên đơn*****:** Chị Mai Thị Thu C, sinh ngày 03/7/1997;

Số CCCD: 033197001506; do Cục trưởng C sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/3/2022.

****/ Bị đơn*****:** Anh Nguyễn TA, sinh ngày 30/5/1994;

Số CCCD: 001094014789; do Cục trưởng cục C sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 27/9/2017.

Đều có nơi ĐKHKTT: xóm 10, thôn CK, xã UH, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Mai Thị Thu C là nguyên đơn trình bày: chị và anh Nguyễn TA tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện UH (nay là xã UH) năm 2018. Trước khi kết hôn anh chị chưa có nhiều thời gian tìm hiểu kỹ về nhau, khi về chung

sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị ở nhà chăm con, nuôi con, còn anh TA đi làm được mấy năm đầu, thời gian gần đây anh TA lại ham chơi cờ bạc, rượu chè dẫn đến nợ nần nhiều. Anh chị sống cùng nhà với bố mẹ chồng là ông Nguyễn Công C bà Trần Thị N. Đã 03 lần anh TA đánh chị. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, anh TA chửi đuổi chị nhiều nên chị bỏ đi khỏi nhà anh TA khoảng hơn 01 năm nay, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Khi đi, anh TA không cho chị bế theo 02 con đi nên chị đành để hai con lại cho ông bà nội chăm sóc. Nay chị nhận thấy chị không thể tiếp tục chung sống với người chồng như anh TA được nữa, chị không còn tình cảm gì với anh TA nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh TA.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: Nguyễn VA, sinh ngày 04/10/2019 và Nguyễn Gia P, sinh năm 12/8/2021. Cả hai con chung hiện đang ở với ông bà nội. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh TA phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn TA: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã UH, Công an xã UH thể hiện:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Thu C, sinh năm 1997 là người ở xã xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên; tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn TA, sinh năm 1994 tại UBND xã TT, huyện UH (nay là xã UH) ngày 23/10/2018; Sau khi kết hôn chị chị C chuyển hộ khẩu và chuyển về sinh sống tại nhà anh TA cùng bố mẹ chồng ở xóm 10, thôn CK, xã UH, thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn vợ chồng chị chị C va anh TA cụ thể như nào chính quyền địa phương không nắm được; chỉ biết khoảng 01 năm gần đây chị chị C không còn sinh sống ở nhà anh TA nữa, mà chỉ thấy hai cháu bé là con chung của chị chị C và anh TA sống cùng ông bà nội. Chị chị C và anh TA có 02 con chung: Nguyễn VA, sinh ngày 04/10/2019 và Nguyễn Gia P, sinh năm 12/8/2021.

Nay chị C có đơn xin ly hôn anh TA, quan điểm chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Về nơi cư trú của anh TA: Anh Nguyễn TA có đăng ký thường trú tại xóm 10, thôn CK, xã UH, thành phố Hà Nội; anh TA sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Công C bà Trần Thị N. Anh TA làm nghề lao động tự do nên có thời điểm ở nhà và địa phương, có thời điểm vắng mặt nhưng chính quyền địa phương không biết

nơi làm việc hay nơi cư trú khác của anh TA do anh TA không khai báo, cũng không biết rõ thời điểm trở về nhà và địa phương của anh TA là khi nào.

** Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị C được ly hôn với anh TA; giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh TA không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị C cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghi khác; chị C nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Mai Thị Thu C làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn TA là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: xóm 10, thôn CK, xã UH, thành phố Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh TA đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh TA vắng mặt không có lý do; chị C xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Mai Thị Thu C và anh Nguyễn TA kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện UH (nay là xã UH) ngày 23/10/2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị C trình bày là do bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung, đã từng xảy ra xô xát vợ chồng; do mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị C và anh TA đã sống ly thân 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Chị C cương quyết xin được ly hôn với anh TA; anh TA không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh TA và chị C là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị C, xử cho chị C được ly hôn với anh TA là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh TA và chị C có 02 con chung là Nguyễn VA, sinh ngày 04/10/2019 và Nguyễn Gia P, sinh năm 12/8/2021. Hiện tại, cả hai con chung đều đang ở với ông bà nội. Chị C có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung; cả hai con chung đều còn nhỏ; anh TA không đến Toà án trình bày quan điểm. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, theo nguyện vọng của đương sự và thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao cả hai con chung cho chị Mai Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Chị C không yêu cầu anh TA phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh TA cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị C không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; anh TA không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị C phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: chị Mai Thị Thu C được ly hôn anh Nguyễn TA.

2. Về con chung: chị Mai Thị Thu C và anh Nguyễn TA có 02 con chung là: Nguyễn VA, sinh ngày 04/10/2019 và Nguyễn Gia P, sinh năm 12/8/2021. Sau ly hôn, giao cả hai con chung cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh TA cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác. Sau ly hôn, anh TA có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h□ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d□ỡng, giáo dục con thì ng□ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng□ời đó.Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

3. Về án phí: chị Mai Thị Thu C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004261 ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện